

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Vật Lý 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	1193360100	Võ Nhật Ân	25/11/2004	01TM12C1	6.8	8.0	7.6				3.0	Thi lại	
2	1193360014	Trác Xuân Hùng	02/05/2004	01TM12C1	9.0	8.8	8.9		6.3		7.3	Đạt	
3	1193360058	Nguyễn Ngọc Bảo	10/04/2004	01TM12C1	7.0	8.0	7.7				3.1	Thi lại	
4	1193360087	Nguyễn Văn Danh	23/09/2004	01TM12C1	9.5	8.8	9.0		6.3		7.4	Đạt	
5	1193360151	Bạch Thị Mỹ Diệu	29/03/2004	01KT12C1	10.0	10.0	10.0		6.8		8.1	Đạt	
6	1193360071	Nguyễn Trung Hậu	23/05/2004	01TM12C1	5.5	6.5	6.2				2.5	Thi lại	
7	1193360027	Lê Thị Thu Hiền	13/07/2004	01KT12C1	3.0	9.3	7.2		5.3		6.0	Đạt	
8	1193360102	Trần Đức Huy	26/01/2004	01TM12C1	5.3	7.5	6.8				2.7	Thi lại	
9	1193360115	Huỳnh Nhật Huy	25/12/2004	01TM12C1	7.0	8.8	8.2		5.8		6.7	Đạt	
10	1193360021	Nguyễn Đăng Khoa	27/10/2004	01KT12C1	7.8	8.5	8.3		6.8		7.4	Đạt	
11	1193360040	Nguyễn Trọng Khôi	08/06/2004	01TM12C1	8.0	8.5	8.3				3.3	Thi lại	
12	1193360045	Nguyễn Lý Hồng Lạc	07/11/2002	01TM12C1	7.0	7.5	7.3		6.0		6.5	Đạt	
13	1833610293	Võ Thị Kim Ngọc	22/01/2003	01YS11C1	7.8	6.3	6.8		6.0		6.3	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
14	1193360143	Dương Thị Nhã	26/10/2003	01TM12C1	8.3	8.0	8.1				3.2	Thi lại	
15	1193360095	Trần Nguyễn Thành Phát	21/05/2004	01TM12C1	6.0	8.3	7.5		5.8		6.5	Đạt	
16	1193360054	Nguyễn Thành Tài	17/04/2004	01TM12C1	7.5	8.3	8.0		6.5		7.1	Đạt	
17	1193360003	Nguyễn Cửu Nhật Thành	13/11/1999	01TM12C1	8.5	8.0	8.2		6.3		7.0	Đạt	
18	1193360086	Nguyễn Minh Thuận	26/01/2004	01KT12C1	7.0	5.0	5.7				2.3	Thi lại	
19	1193360016	Nguyễn Phan Khánh Trâm	23/05/2004	01KT12C1	7.8	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
20	1193360147	Nguyễn Thị Quế Trân	29/05/2004	01KT12C1	7.5	8.0	7.8				3.1	Thi lại	
21	1193360111	Nguyễn Lâm Thành Trinh	02/12/2004	01TM12C1	8.0	10.0	9.3				3.7	Thi lại	
22	1193360092	Liêu Cẩm Tú	21/11/2004	01TM12C1	10.0	9.0	9.3		6.8		7.8	Đạt	
23	1193360099	Đào Quốc Tuấn	03/12/2003	01TM12C1	6.3	9.0	8.1		5.8		6.7	Đạt	
24	1193360026	Phan Lưu Anh Tuấn	01/01/2003	01TM12C1	7.5	8.3	8.0		6.3		7.0	Đạt	
25	1193360134	Đào Phương Uyên	03/04/2004	01KT12C1	8.5	8.8	8.7				3.5	Thi lại	
26	1193360097	Nguyễn Tăng Thế Vinh	09/06/2004	01TM12C1	8.3	10.0	9.4		6.5		7.7	Đạt	
27	1193360098	Nguyễn Văn Vũ	21/07/2004	01TM12C1	7.5	9.0	8.5		6.3		7.2	Đạt	
28	1193360138	Nguyễn Như Ý	25/04/2001	01KT12C1	7.8	9.5	8.9				3.6	Thi lại	
29	1193360005	Quan Thanh Yên	25/08/1993	01KT12C1	9.0	9.0	9.0		5.3		6.8	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: Vật Lý 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	1193360100	Võ Nhật Ân	25/11/2004	01TM12C1	8.0	9.0	8.7		8.0		8.3	Đạt	
2	1193360014	Trác Xuân Hùng	02/05/2004	01TM12C1	9.0	10.0	9.7		9.0		9.3	Đạt	
3	1193360058	Nguyễn Ngọc Bảo	10/04/2004	01TM12C1	7.5	10.0	9.2		5.0		6.7	Đạt	
4	1193360087	Nguyễn Văn Danh	23/09/2004	01TM12C1	6.5	8.3	7.7		9.3		8.6	Đạt	
5	1193360151	Bạch Thị Mỹ Diệu	29/03/2004	01KT12C1	10.0	10.0	10.0		9.0		9.4	Đạt	
6	1193360071	Nguyễn Trung Hậu	23/05/2004	01TM12C1	5.0	8.5	7.3		8.3		7.9	Đạt	
7	1193360027	Lê Thị Thu Hiền	13/07/2004	01KT12C1	6.0	6.5	6.3		7.5		7.0	Đạt	
8	1193360102	Trần Đức Huy	26/01/2004	01TM12C1	3.0	7.3	5.9				2.3	Thi lại	
9	1193360115	Huỳnh Nhật Huy	25/12/2004	01TM12C1	7.0	5.5	6.0		7.5		6.9	Đạt	
10	1193360021	Nguyễn Đăng Khoa	27/10/2004	01KT12C1	9.0	9.5	9.3		9.3		9.3	Đạt	
11	1193360040	Nguyễn Trọng Khôi	08/06/2004	01TM12C1	6.8	8.0	7.6		8.0		7.8	Đạt	
12	1193360045	Nguyễn Lý Hồng Lạc	07/11/2002	01TM12C1	7.0	6.3	6.5		8.3		7.6	Đạt	
13	1833610293	Võ Thị Kim Ngọc	22/01/2003	01YS11C1	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt	
14	1193360143	Dương Thị Nhã	26/10/2003	01TM12C1	9.5	9.8	9.7				3.9	Thi lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú	
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Môn			
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1		
15	1193360095	Trần Nguyễn Thành	Phát	21/05/2004	01TM12C1	7.3	8.0	7.8		8.8		8.4	Đạt	
16	1193360054	Nguyễn Thành	Tài	17/04/2004	01TM12C1	7.5	9.3	8.7		8.0		8.3	Đạt	
17	1193360003	Nguyễn Cửu Nhật	Thành	13/11/1999	01TM12C1	8.5	7.5	7.8		8.5		8.2	Đạt	
18	1193360086	Nguyễn Minh	Thuận	26/01/2004	01KT12C1	5.0	7.8	6.9				2.7	Thi lại	
19	1193360016	Nguyễn Phan Khánh	Trâm	23/05/2004	01KT12C1	6.5	9.5	8.5				3.4	Thi lại	
20	1193360147	Nguyễn Thị Quế	Trân	29/05/2004	01KT12C1	6.4	8.8	8.0				3.2	Thi lại	
21	1193360111	Nguyễn Lâm Thành	Trình	02/12/2004	01TM12C1	10.0	10.0	10.0				4.0	Thi lại	
22	1193360092	Liêu Cẩm	Tú	21/11/2004	01TM12C1	8.8	8.8	8.8		9.0		8.9	Đạt	
23	1193360099	Đào Quốc	Tuấn	03/12/2003	01TM12C1	9.0	9.5	9.3		9.0		9.1	Đạt	
24	1193360026	Phan Lưu Anh	Tuấn	01/01/2003	01TM12C1	8.0	8.4	8.3		8.8		8.6	Đạt	
25	1193360097	Nguyễn Tăng Thê	Vinh	09/06/2004	01TM12C1	8.8	9.2	9.1		8.8		8.9	Đạt	
26	1193360098	Nguyễn Văn	Vũ	21/07/2004	01TM12C1	8.0	8.5	8.3		8.8		8.6	Đạt	
27	1193360138	Nguyễn Như	Ý	25/04/2001	01KT12C1	9.0	10.0	9.7				3.9	Thi lại	
28	1193360005	Quan Thanh	Yến	25/08/1993	01KT12C1	10.0	10.0	10.0		8.3		9.0	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Vật Lý 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2			
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
1	1193360099	Đào Quốc	Tuấn	03/12/2003	01TM12C1	7.0	6.5	6.7		8.5		7.8	Đạt	
2	1193360003	Nguyễn Cửu Nhật	Thành	13/11/1999	01TM12C1	7.3	8.0	7.8		9.5		8.8	Đạt	
3	1193360005	Quan Thanh	Yến	25/08/1993	01KT12C1	9.0	10.0	9.7		8.8		9.1	Đạt	
4	1193360014	Trác Xuân Hùng	Anh	02/05/2004	01TM12C1	7.3	8.3	8.0		9.0		8.6	Đạt	
5	1193360016	Nguyễn Phan Khánh	Trâm	23/05/2004	01KT12C1	4.0	6.3	5.5				2.2	Thi lại	
6	1193360021	Nguyễn Đăng	Khoa	27/10/2004	01KT12C1	7.8	7.0	7.3		9.0		8.3	Đạt	
7	1193360026	Phan Luru Anh	Tuấn	01/01/2003	01TM12C1	7.8	7.5	7.6		9.5		8.7	Đạt	
8	1193360040	Nguyễn Trọng	Khôi	08/06/2004	01TM12C1	9.0	10.0	9.7		8.0		8.7	Đạt	
9	1193360027	Lê Thị Thu	Hiền	13/07/2004	01KT12C1	5.3	6.0	5.8		8.3		7.3	Đạt	
10	1193360045	Nguyễn Lý Hồng	Lạc	07/11/2002	01TM12C1	8.5	7.8	8.0		8.8		8.5	Đạt	
11	1193360054	Nguyễn Thành	Tài	17/04/2004	01TM12C1	6.5	6.3	6.4		8.5		7.6	Đạt	
12	1193360058	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	10/04/2004	01TM12C1	5.8	6.8	6.5		8.3		7.5	Đạt	
13	1193360071	Nguyễn Trung	Hậu	23/05/2004	01TM12C1	5.8	6.8	6.5		8.3		7.5	Đạt	
14	1193360086	Nguyễn Minh	Thuận	26/01/2004	01KT12C1	6.0	6.8	6.5				2.6	Thi lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4.0		6.0	6.0				
15	1193360087	Nguyễn Văn	Danh	23/09/2004	01TM12C1	9.0	8.5	8.7		9.3		9.0	Đạt	
16	1193360092	Liêu Cẩm	Tú	21/11/2004	01TM12C1	8.8	7.0	7.6		9.3		8.6	Đạt	
17	1193360095	Trần Nguyễn Thành	Phát	21/05/2004	01TM12C1	7.3	7.8	7.6		9.0		8.5	Đạt	
18	1193360097	Nguyễn Tăng Thế	Vinh	09/06/2004	01TM12C1	8.0	7.8	7.9		8.3		8.1	Đạt	
19	1193360098	Nguyễn Văn	Vũ	21/07/2004	01TM12C1	5.8	6.8	6.5		9.0		8.0	Đạt	
20	1193360100	Võ Nhật	Ân	25/11/2004	01TM12C1	6.5	7.5	7.2		8.8		8.1	Đạt	
21	1193360102	Trần Đức	Huy	26/01/2004	01TM12C1	5.8	7.0	6.6				2.6	Thi lại	
22	1193360111	Nguyễn Lâm Thành	Trình	02/12/2004	01TM12C1	10.0	9.0	9.3				3.7	Thi lại	
23	1193360115	Huỳnh Nhật	Huy	25/12/2004	01TM12C1	4.8	5.8	5.5		8.3		7.1	Đạt	
24	1193360138	Nguyễn Như	Ý	25/04/2001	01KT12C1	8.0	8.3	8.2				3.3	Thi lại	
25	1193360143	Dương Thị	Nhã	26/10/2003	01TM12C1	10.0	7.5	8.3				3.3	Thi lại	
26	1193360147	Nguyễn Thị Quế	Trân	29/05/2004	01KT12C1	8.0	7.5	7.7				3.1	Thi lại	
27	1193360151	Bạch Thị Mỹ	Diệu	29/03/2004	01KT12C1	10.0	10.0	10.0		9.3		9.6	Đạt	
28	1833610293	Võ Thị Kim	Ngọc	22/01/2003	01YS11C1	8.0	7.0	7.3		8.5		8.0	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: HÓA 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0						
1	1193360042	Nguyễn Thùy	An	21/04/2004	01DD12C1	9.0	9.0	9.0		8.4		8.6	Đạt	
2	1193360100	Võ Nhật	Ân	25/11/2004	01TM12C1	6.0	6.0	6.0		7.4		6.8	Đạt	
3	1193360014	Trác Xuân Hùng	Anh	02/05/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt	
4	1193360058	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	10/04/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		7.4		7.2	Đạt	
5	1193360089	Nguyễn Đoàn Châu	Anh	02/12/2004	01DS12C1	8.0	8.0	8.0		5.4		6.4	Đạt	
6	1193360087	Nguyễn Văn	Danh	23/09/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		7.2		7.5	Đạt	
7	1193360128	Bùi Thị Trúc	Dện	29/10/2002	01YS12C1	7.0	7.0	7.0		4.4		5.4	Đạt	
8	1193360151	Bạch Thị Mỹ	Diệu	29/03/2004	01KT12C1	8.0	8.0	8.0		8.2		8.1	Đạt	
9	1193360077	Phạm Thanh	Duy	28/05/2003	01TM12C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại	
10	1193360024	Hồ Khánh	Duy	02/04/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		7.2		7.1	Đạt	
11	1193360150	Nguyễn Ngọc	Hải	19/11/2003	01DS12C1	8.0	8.0	8.0		4.0		5.6	Đạt	
12	1193360119	Lê Chí	Hào	07/10/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		2.4		4.2	Thi lại	
13	1193360071	Nguyễn Trung	Hậu	23/05/2004	01TM12C1	4.0	4.0	4.0		2.6		3.2	Thi lại	
14	1193360101	Trần Thanh	Hậu	23/09/2004	01DS12C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt	
15	1193360027	Lê Thị Thu	Hiền	13/07/2004	01KT12C1	8.0	8.0	8.0		4.6		6.0	Đạt	
16	1193360102	Trần Đức	Huy	26/01/2004	01TM12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
17	1193360115	Huỳnh Nhật	Huy	25/12/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		6.6		6.8	Đạt	
18	1193360021	Nguyễn Đăng	Khoa	27/10/2004	01KT12C1	9.0	9.0	9.0		8.2		8.5	Đạt	
19	1193360040	Nguyễn Trọng	Khôi	08/06/2004	01TM12C1	6.0	6.0	6.0		8.0		7.2	Đạt	
20	1193360067	Nguyễn Tuấn	Khôi	27/02/2001	01YS12C1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0						
21	1193360049	Nguyễn Thoại	Kim	13/07/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt	
22	1193360120	Nguyễn Thị Anh	Kỳ	27/09/2002	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		4.2		5.7	Đạt	
23	1193360045	Nguyễn Lý Hồng	Lạc	07/11/2002	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		7.8		7.5	Đạt	
24	1193360131	Chê Thị Thanh	Loan	14/07/2002	01DD12C1	4.0	4.0	4.0		3.0		3.4	Thi lại	
25	1193360041	Nguyễn Công	Minh	01/03/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		6.6		6.8	Đạt	
26	1193360093	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngân	28/01/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0		7.4		7.2	Đạt	
27	1193360065	Trương Mẫn	Nghi	12/03/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		7.2		7.5	Đạt	
28	1193360148	Lê Thảo	Nguyên	18/07/2004	01DS12C1	9.0	9.0	9.0		6.6		7.6	Đạt	
29	1193360143	Dương Thị	Nhã	26/10/2003	01TM12C1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt	
30	1193360028	Trần Nguyệt Yên	Nhi	12/10/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
31	1193360034	Trương Thị Uyển	Nhi	01/03/2004	01DS12C1	6.0	6.0	6.0		7.2		6.7	Đạt	
32	1193360095	Trần Nguyễn Thành	Phát	21/05/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		4.6		6.0	Đạt	
33	1193360075	Kiều Trần Xuân	Phú	06/12/2004	01DS12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
34	1193360117	Võ Trường	Son	16/06/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0		5.2		5.9	Đạt	
35	1193360054	Nguyễn Thành	Tài	17/04/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt	
36	1193360047	Lê Quốc	Thắng	03/04/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		1.4		3.6	Thi lại	
37	1193360003	Nguyễn Cửu Nhật	Thành	13/11/1999	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt	
38	1193360037	Huỳnh Đặng Ngọc	Thi	27/11/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		7.8		7.5	Đạt	
39	1193360086	Nguyễn Minh	Thuận	26/01/2004	01KT12C1	8.0	8.0	8.0		3.4		5.2	Đạt	
40	1193360016	Nguyễn Phan Khánh	Trâm	23/05/2004	01KT12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
41	1193360147	Nguyễn Thị Quế	Trân	29/05/2004	01KT12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
42	1193360111	Nguyễn Lâm Thành	Trinh	02/12/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.2		8.1	Đạt	
43	1193360092	Liêu Cẩm	Tú	21/11/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		7.4		7.6	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2			
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
44	1193360099	Đào Quốc	Tuấn	03/12/2003	01TM12C1	4.0	4.0	4.0		7.4		6.0	Thi lại	
45	1193360026	Phan Lưu Anh	Tuấn	01/01/2003	01TM12C1	6.0	6.0	6.0		8.4		7.4	Đạt	
46	1193360134	Đào Phương	Uyên	03/04/2004	01KT12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
47	1193360097	Nguyễn Tăng Thế	Vinh	09/06/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		8.2		7.7	Đạt	
48	1193360098	Nguyễn Văn	Vũ	21/07/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt	
49	1193360138	Nguyễn Như	Ý	25/04/2001	01KT12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
50	1193360005	Quan Thanh	Yến	25/08/1993	01KT12C1	8.0	8.0	8.0		7.2		7.5	Đạt	
51	2193360072	Liêu Thị	Hường	30/04/1990	02MK12C1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: HÓA 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2			
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
1	1193360042	Nguyễn Thùy	An	21/04/2004	01DD12C1	9.0	9.0	9.0		8.3		8.6	Đạt	
2	1193360100	Võ Nhật	Ân	25/11/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		7.3		7.2	Đạt	
3	1193360014	Trác Xuân Hùng	Anh	02/05/2004	01TM12C1	9.0	9.0	9.0		9.5		9.3	Đạt	
4	1193360058	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	10/04/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt	
5	1193360089	Nguyễn Đoàn Châu	Anh	02/12/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0		2.0		4.0	Thi lại	
6	1193360087	Nguyễn Văn	Danh	23/09/2004	01TM12C1	9.0	9.0	9.0		8.3		8.6	Đạt	
7	1193360128	Bùi Thị Trúc	Dện	29/10/2002	01YS12C1	9.0	9.0	9.0		4.5		6.3	Đạt	
8	1193360151	Bạch Thị Mỹ	Diệu	29/03/2004	01KT12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
9	1193360024	Hồ Khánh	Duy	02/04/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt	
10	1193360150	Nguyễn Ngọc	Hải	19/11/2003	01DS12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
11	1193360119	Lê Chí	Hảo	07/10/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		5.3		6.4	Đạt	
12	1193360071	Nguyễn Trung	Hậu	23/05/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
13	1193360101	Trần Thanh	Hậu	23/09/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0		4.3		5.4	Đạt	
14	1193360027	Lê Thị Thu	Hiền	13/07/2004	01KT12C1	9.0	9.0	9.0		7.5		8.1	Đạt	
15	1193360102	Trần Đức	Huy	26/01/2004	01TM12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
16	1193360115	Huỳnh Nhật	Huy	25/12/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt	
17	1193360021	Nguyễn Đăng	Khoa	27/10/2004	01KT12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
18	1193360040	Nguyễn Trọng	Khôi	08/06/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
19	1193360067	Nguyễn Tuấn	Khôi	27/02/2001	01YS12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2			
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
20	1193360049	Nguyễn Thoại	Kim	13/07/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt	
21	1193360120	Nguyễn Thị Anh	Kỳ	27/09/2002	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		6.5		7.1	Đạt	
22	1193360045	Nguyễn Lý Hồng	Lạc	07/11/2002	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.3		8.2	Đạt	
23	1193360131	Chế Thị Thanh	Loan	14/07/2002	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt	
24	1193360041	Nguyễn Công	Minh	01/03/2004	01DD12C1	9.0	9.0	9.0		6.8		7.7	Đạt	
25	1193360093	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngân	28/01/2004	01DS12C1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt	
26	1193360065	Trương Mẫn	Nghi	12/03/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt	
27	1193360148	Lê Thảo	Nguyên	18/07/2004	01DS12C1	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt	
28	1193360143	Dương Thị	Nhã	26/10/2003	01TM12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
29	1193360034	Trương Thị Uyển	Nhi	01/03/2004	01DS12C1	5.0	5.0	5.0		9.0		7.4	Đạt	
30	1193360028	Trần Nguyệt Yến	Nhi	12/10/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt	
31	1193360095	Trần Nguyễn Thành	Phát	21/05/2004	01TM12C1	9.0	9.0	9.0		8.8		8.9	Đạt	
32	1193360075	Kiều Trần Xuân	Phú	06/12/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt	
33	1193360117	Võ Trường	Son	16/06/2004	01DS12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
34	1193360054	Nguyễn Thành	Tài	17/04/2004	01TM12C1	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt	
35	1193360047	Lê Quốc	Thắng	03/04/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
36	1193360003	Nguyễn Cửu Nhật	Thành	13/11/1999	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		9.3		8.8	Đạt	
37	1193360037	Huỳnh Đặng Ngọc	Thi	27/11/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt	
38	1193360086	Nguyễn Minh	Thuận	26/01/2004	01KT12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
39	1193360016	Nguyễn Phan Khánh	Trâm	23/05/2004	01KT12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
40	1193360147	Nguyễn Thị Quế	Trân	29/05/2004	01KT12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
41	1193360111	Nguyễn Lâm Thành	Trình	02/12/2004	01TM12C1	9.0	9.0	9.0		9.3		9.2	Đạt	
42	1193360092	Liêu Cẩm	Tú	21/11/2004	01TM12C1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2			
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
43	1193360099	Đào Quốc	Tuấn	03/12/2003	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.8		8.5	Đạt	
44	1193360026	Phan Lưu Anh	Tuấn	01/01/2003	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
45	1193360134	Đào Phương	Uyên	03/04/2004	01KT12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
46	1193360097	Nguyễn Tăng Thế	Vinh	09/06/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		9.3		8.8	Đạt	
47	1193360098	Nguyễn Văn	Vũ	21/07/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
48	1193360138	Nguyễn Như	Ý	25/04/2001	01KT12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
49	1193360005	Quan Thanh	Yến	25/08/1993	01KT12C1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt	
50	2193360072	Liêu Thị	Hường	30/04/1990	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		6.5		7.1	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: HÓA 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2			
								4.0				6.0	6.0	
1	1193360042	Nguyễn Thùy	An	21/04/2004	01DD12C1	9.0	9.0	9.0		9.2		9.1	Đạt	
2	1193360100	Võ Nhật	Ân	25/11/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.6		8.4	Đạt	
3	1193360089	Nguyễn Đoàn Châu	Anh	02/12/2004	01DS12C1	8.0	8.0	8.0		6.4		7.0	Đạt	
4	1193360014	Trác Xuân Hùng	Anh	02/05/2004	01TM12C1	9.0	9.0	9.0		9.2		9.1	Đạt	
5	1193360058	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	10/04/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.6		8.4	Đạt	
6	1193360087	Nguyễn Văn	Danh	23/09/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
7	1193360128	Bùi Thị Trúc	Dền	29/10/2002	01YS12C1	9.0	9.0	9.0		2.8		5.3	Đạt	
8	1193360151	Bạch Thị Mỹ	Diệu	29/03/2004	01KT12C1	9.0	9.0	9.0		9.8		9.5	Đạt	
9	1193360024	Hồ Khánh	Duy	02/04/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		7.6		7.8	Đạt	
10	1193360150	Nguyễn Ngọc	Hải	19/11/2003	01DS12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
11	1193360119	Lê Chí	Hào	07/10/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		8.4		8.2	Đạt	
12	1193360101	Trần Thanh	Hậu	23/09/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0		8.6		8.0	Đạt	
13	1193360071	Nguyễn Trung	Hậu	23/05/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt	
14	1193360027	Lê Thị Thu	Hiền	13/07/2004	01KT12C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt	
15	1193360102	Trần Đức	Huy	26/01/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
16	1193360115	Huỳnh Nhật	Huy	25/12/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2			
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
17	1193360021	Nguyễn Đăng	Khoa	27/10/2004	01KT12C1	9.0	9.0	9.0		9.4		9.2	Đạt	
18	1193360040	Nguyễn Trọng	Khôi	08/06/2004	01TM12C1	9.0	9.0	9.0		8.8		8.9	Đạt	
19	1193360067	Nguyễn Tuấn	Khôi	27/02/2001	01YS12C1	8.0	8.0	8.0		8.6		8.4	Đạt	
20	1193360049	Nguyễn Thoại	Kim	13/07/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		9.2		8.7	Đạt	
21	1193360120	Nguyễn Thị Anh	Kỳ	27/09/2002	01DD12C1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt	
22	1193360045	Nguyễn Lý Hồng	Lạc	07/11/2002	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.6		8.4	Đạt	
23	1193360131	Chế Thị Thanh	Loan	14/07/2002	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		6.6		6.8	Đạt	
24	1193360041	Nguyễn Công	Minh	01/03/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		7.4		7.6	Đạt	
25	1193360093	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngân	28/01/2004	01DS12C1	8.0	8.0	8.0		9.2		8.7	Đạt	
26	1193360065	Trương Mẫn	Nghi	12/03/2004	01DD12C1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt	
27	1193360148	Lê Thảo	Nguyên	18/07/2004	01DS12C1	9.0	9.0	9.0		9.2		9.1	Đạt	
28	1193360143	Dương Thị	Nhã	26/10/2003	01TM12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
29	1193360028	Trần Nguyệt Yên	Nhi	12/10/2004	01DD12C1	9.0	9.0	9.0		8.8		8.9	Đạt	
30	1193360034	Trương Thị Uyên	Nhi	01/03/2004	01DS12C1	9.0	9.0	9.0		8.8		8.9	Đạt	
31	1193360095	Trần Nguyễn Thành	Phát	21/05/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.2		8.1	Đạt	
32	1193360075	Kiều Trần Xuân	Phú	06/12/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
33	1193360117	Võ Trường	Sơn	16/06/2004	01DS12C1	8.0	8.0	8.0		8.6		8.4	Đạt	
34	1193360054	Nguyễn Thành	Tài	17/04/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt	
35	1193360003	Nguyễn Cửu Nhật	Thành	13/11/1999	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		9.2		8.7	Đạt	
36	2193360259	Bùi Nguyễn Minh	Thảo	25/12/1994	02TM12C1	9.0	9.0	9.0		9.6		9.4	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2			
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
37	1193360037	Huỳnh Đăng Ngọc	Thi	27/11/2004	01DD12C1	8.0	8.0	8.0		9.2		8.7	Đạt	
38	1193360066	Nguyễn Minh	Thông	21/09/2002	01YS12C1	8.0	8.0	8.0		7.2		7.5	Đạt	
39	1193360086	Nguyễn Minh	Thuận	26/01/2004	01KT12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
40	1193360016	Nguyễn Phan Khánh	Trâm	23/05/2004	01KT12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
41	1193360147	Nguyễn Thị Quế	Trân	29/05/2004	01KT12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
42	1193360111	Nguyễn Lâm Thành	Trinh	02/12/2004	01TM12C1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại	
43	1193360092	Liêu Cẩm	Tú	21/11/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		8.2		8.1	Đạt	
44	1193360099	Đào Quốc	Tuấn	03/12/2003	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
45	1193360026	Phan Lưu Anh	Tuấn	01/01/2003	01TM12C1	9.0	9.0	9.0		9.2		9.1	Đạt	
46	1193360097	Nguyễn Tăng Thế	Vinh	09/06/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
47	1193360098	Nguyễn Văn	Vũ	21/07/2004	01TM12C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
48	1193360138	Nguyễn Như	Ý	25/04/2001	01KT12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	
49	1193360005	Quan Thanh	Yến	25/08/1993	01KT12C1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt	
50	2193360072	Liêu Thị	Hường	30/04/1990	02MK12C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: VĂN 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	1193360042	Nguyễn Thùy An	21/04/2004	01DD12C1	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
2	1193360100	Võ Nhật Ân	25/11/2004	01TM12C1	7.0	6.0	6.3		7.0		6.7	Đạt	
3	1193360014	Trác Xuân Hùng	02/05/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt	
4	1193360058	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	10/04/2004	01TM12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
5	1193360089	Nguyễn Đoàn Châu Anh	02/12/2004	01DS12C1	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt	
6	1193360087	Nguyễn Văn Danh	23/09/2004	01TM12C1	7.0	6.0	6.3		7.0		6.7	Đạt	
7	1193360128	Bùi Thị Trúc Dện	29/10/2002	01YS12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
8	1193360151	Bạch Thị Mỹ Diệu	29/03/2004	01KT12C1	6.0	6.0	6.0		6.8		6.5	Đạt	
9	1193360077	Phạm Thanh Duy	28/05/2003	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt	
10	1193360024	Hồ Khánh Duy	02/04/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		3.8		5.1	Đạt	
11	1193360150	Nguyễn Ngọc Hải	19/11/2003	01DS12C1	7.0	5.0	5.7		3.0		4.1	Thi lại	
12	1193360119	Lê Chí Hảo	07/10/2004	01DD12C1	6.0	6.0	6.0		3.0		4.2	Thi lại	
13	1193360071	Nguyễn Trung Hậu	23/05/2004	01TM12C1	7.0	6.0	6.3		6.3		6.3	Đạt	
14	1193360101	Trần Thanh Hậu	23/09/2004	01DS12C1	6.0	5.0	5.3		3.8		4.4	Đạt	
15	1193360027	Lê Thị Thu Hiền	13/07/2004	01KT12C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
16	1193360115	Huỳnh Nhật Huy	25/12/2004	01TM12C1	8.0	7.0	7.3		6.3		6.7	Đạt	
17	1193360021	Nguyễn Đăng Khoa	27/10/2004	01KT12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
18	1193360040	Nguyễn Trọng	Khôi	08/06/2004	01TM12C1	8.0	7.0	7.3		6.5		6.8	Đạt	
19	1193360067	Nguyễn Tuấn	Khôi	27/02/2001	01YS12C1	7.0	6.0	6.3		6.3		6.3	Đạt	
20	1193360049	Nguyễn Thoại	Kim	13/07/2004	01DD12C1	6.0	7.0	6.7		6.3		6.4	Đạt	
21	1193360120	Nguyễn Thị Anh	Kỳ	27/09/2002	01DD12C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt	
22	1193360045	Nguyễn Lý Hồng	Lạc	07/11/2002	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt	
23	1193360131	Chế Thị Thanh	Loan	14/07/2002	01DD12C1	7.0	6.0	6.3		4.5		5.2	Đạt	
24	1193360041	Nguyễn Công	Minh	01/03/2004	01DD12C1	7.0	5.0	5.7		5.5		5.6	Đạt	
25	1193360093	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngân	28/01/2004	01DS12C1	7.0	6.0	6.3		4.8		5.4	Đạt	
26	1193360065	Trương Mẫn	Nghi	12/03/2004	01DD12C1	6.0	7.0	6.7		5.8		6.1	Đạt	
27	1193360148	Lê Thảo	Nguyên	18/07/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt	
28	1193360143	Dương Thị	Nhã	26/10/2003	01TM12C1	7.0	8.0	7.7		5.8		6.5	Đạt	
29	1193360034	Trương Thị Uyển	Nhi	01/03/2004	01DS12C1	6.0	7.0	6.7		5.8		6.1	Đạt	
30	1193360028	Trần Nguyệt Yến	Nhi	12/10/2004	01DD12C1	6.0	7.0	6.7		4.0		5.1	Đạt	
31	1193360095	Trần Nguyễn Thành	Phát	21/05/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		3.8		5.1	Đạt	
32	1193360075	Kiều Trần Xuân	Phú	06/12/2004	01DS12C1	6.0	7.0	6.7		5.8		6.1	Đạt	
33	1193360117	Võ Trường	Son	16/06/2004	01DS12C1	7.0	6.0	6.3		5.3		5.7	Đạt	
34	1193360054	Nguyễn Thành	Tài	17/04/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
35	1193360047	Lê Quốc	Thắng	03/04/2004	01DD12C1	5.0	6.0	5.7				2.3	Thi lại	
36	1193360003	Nguyễn Cửu Nhật	Thành	13/11/1999	01TM12C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt	
37	1193360037	Huỳnh Đăng Ngọc	Thi	27/11/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		4.0		5.2	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
38	1193360086	Nguyễn Minh Thuận	26/01/2004	01KT12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	
39	1193360016	Nguyễn Phan Khánh Trâm	23/05/2004	01KT12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
40	1193360147	Nguyễn Thị Quế Trân	29/05/2004	01KT12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
41	1193360111	Nguyễn Lâm Thành Trinh	02/12/2004	01TM12C1	7.0	8.0	7.7		5.5		6.4	Đạt	
42	1193360092	Liêu Cẩm Tú	21/11/2004	01TM12C1	7.0	8.0	7.7		4.8		5.9	Đạt	
43	1193360099	Đào Quốc Tuấn	03/12/2003	01TM12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
44	1193360026	Phan Lưu Anh Tuấn	01/01/2003	01TM12C1	7.0	6.0	6.3		5.5		5.8	Đạt	
45	1193360134	Đào Phương Uyên	03/04/2004	01KT12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
46	1193360097	Nguyễn Tăng Thế Vinh	09/06/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt	
47	1193360098	Nguyễn Văn Vũ	21/07/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		3.8		5.1	Đạt	
48	1193360138	Nguyễn Như Ý	25/04/2001	01KT12C1	7.0	6.0	6.3		3.0		4.3	Thi lại	
49	1193360005	Quan Thanh Yển	25/08/1993	01KT12C1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt	
50	117030016	Nguyễn Thạnh Hoà	06/02/2002	01YS10C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt	
51	115030036	Hồ Quế Anh	22/03/2000	01SP10C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
52	2193360114	Nguyễn Đức Tiến	12/11/2002	02YS12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: VĂN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0						
1	1193360042	Nguyễn Thùy	An	21/04/2004	01DD12C1	7.0	8.0	7.7		7.0		7.3	Đạt	
2	1193360100	Võ Nhật	Ân	25/11/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
3	1193360014	Trác Xuân Hùng	Anh	02/05/2004	01TM12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
4	1193360058	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	10/04/2004	01TM12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
5	1193360089	Nguyễn Đoàn Châu	Anh	02/12/2004	01DS12C1	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt	
6	1193360129	Lê Hoàng	Anh	10/03/1999	01TM12C1	5.0	6.0	5.7				2.3	Thi lại	
7	1193360087	Nguyễn Văn	Danh	23/09/2004	01TM12C1	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
8	1193360128	Bùi Thị Trúc	Dện	29/10/2002	01YS12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
9	1193360151	Bạch Thị Mỹ	Diệu	29/03/2004	01KT12C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt	
10	1193360077	Phạm Thanh	Duy	28/05/2003	01TM12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	
11	1193360024	Hồ Khánh	Duy	02/04/2004	01DD12C1	7.0	6.0	6.3		4.0		4.9	Thi lại	
12	1193360150	Nguyễn Ngọc	Hải	19/11/2003	01DS12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
13	1193360119	Lê Chí	Hảo	07/10/2004	01DD12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
14	1193360071	Nguyễn Trung	Hậu	23/05/2004	01TM12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
15	1193360101	Trần Thanh	Hậu	23/09/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
16	1193360027	Lê Thị Thu	Hiền	13/07/2004	01KT12C1	6.0	6.0	6.0		4.0		4.8	Thi lại	
17	1193360102	Trần Đức	Huy	26/01/2004	01TM12C1	5.0	6.0	5.7				2.3	Thi lại	
18	1193360115	Huỳnh Nhật	Huy	25/12/2004	01TM12C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt	
19	1193360021	Nguyễn Đăng	Khoa	27/10/2004	01KT12C1	8.0	5.0	6.0				2.4	Thi lại	
20	1193360040	Nguyễn Trọng	Khôi	08/06/2004	01TM12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
21	1193360067	Nguyễn Tuấn	Khôi	27/02/2001	01YS12C1	6.0	5.0	5.3		6.0		5.7	Đạt	
22	1193360049	Nguyễn Thoại	Kim	13/07/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
23	1193360120	Nguyễn Thị Anh	Kỳ	27/09/2002	01DD12C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt	
24	1193360045	Nguyễn Lý Hồng	Lạc	07/11/2002	01TM12C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt	
25	1193360131	Chê Thị Thanh	Loan	14/07/2002	01DD12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
26	1193360041	Nguyễn Công	Minh	01/03/2004	01DD12C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt	
27	1193360093	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngân	28/01/2004	01DS12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
28	1193360065	Trương Mẫn	Nghi	12/03/2004	01DD12C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt	
29	1193360148	Lê Thảo	Nguyên	18/07/2004	01DS12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
30	1193360143	Dương Thị	Nhã	26/10/2003	01TM12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
31	1193360034	Trương Thị Uyên	Nhi	01/03/2004	01DS12C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt	
32	1193360028	Trần Nguyệt Yên	Nhi	12/10/2004	01DD12C1	7.0	6.0	6.3		4.0		4.9	Thi lại	
33	1193360095	Trần Nguyễn Thành	Phát	21/05/2004	01TM12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
34	1193360056	Nguyễn Thiên	Phú	17/11/2004	01KT12C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
35	1193360075	Kiều Trần Xuân	Phú	06/12/2004	01DS12C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt	
36	1193360117	Võ Trường	Son	16/06/2004	01DS12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
37	1193360054	Nguyễn Thành	Tài	17/04/2004	01TM12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
38	1193360047	Lê Quốc	Thắng	03/04/2004	01DD12C1	6.0	5.0	5.3				2.1	Thi lại	
39	1193360003	Nguyễn Cửu Nhật	Thành	13/11/1999	01TM12C1	6.0	5.0	5.3		6.0		5.7	Đạt	
40	1193360037	Huỳnh Đặng Ngọc	Thi	27/11/2004	01DD12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
41	1193360066	Nguyễn Minh	Thông	21/09/2002	01YS12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
42	1193360086	Nguyễn Minh	Thuận	26/01/2004	01KT12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
43	1193360016	Nguyễn Phan Khánh	Trâm	23/05/2004	01KT12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	
44	1193360147	Nguyễn Thị Quế	Trân	29/05/2004	01KT12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	
45	1193360111	Nguyễn Lâm Thành	Trinh	02/12/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
46	1193360092	Liêu Cẩm	Tú	21/11/2004	01TM12C1	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt	
47	1193360099	Đào Quốc	Tuấn	03/12/2003	01TM12C1	7.0	6.0	6.3		2.0		3.7	Thi lại	
48	1193360026	Phan Lưu Anh	Tuấn	01/01/2003	01TM12C1	8.0	6.0	6.7		5.0		5.7	Đạt	
49	1193360134	Đào Phương	Uyên	03/04/2004	01KT12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
50	1193360097	Nguyễn Tăng Thế	Vinh	09/06/2004	01TM12C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt	
51	1193360098	Nguyễn Văn	Vũ	21/07/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
52	1193360138	Nguyễn Như	Ý	25/04/2001	01KT12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
53	1193360005	Quan Thanh	Yến	25/08/1993	01KT12C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
54	117030016	Nguyễn Thanh Hoà	06/02/2002	01YS10C1	7.0	6.0	6.3		3.0		4.3	Thi lại	
55	2193360114	Nguyễn Đức Tiến	12/11/2002	02YS12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc								
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC														
Môn: VĂN 12														
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4.0		6.0	6.0				
1	1193360042	Nguyễn Thùy An	21/04/2004	01DD12C1	7.0	6.0	6.3		6.3		6.3	Đạt		
2	1193360100	Võ Nhật Ân	25/11/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt		
3	1193360014	Trác Xuân Hùng	02/05/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt		
4	1193360058	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	10/04/2004	01TM12C1	8.0	6.0	6.7		4.8		5.5	Đạt		
5	1193360089	Nguyễn Đoàn Châu Anh	02/12/2004	01DS12C1	6.0	6.0	6.0		6.8		6.5	Đạt		
6	1193360129	Lê Hoàng Anh	10/03/1999	01TM12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại		
7	1193360087	Nguyễn Văn Danh	23/09/2004	01TM12C1	8.0	7.0	7.3		5.3		6.1	Đạt		
8	1193360128	Bùi Thị Trúc Dền	29/10/2002	01YS12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại		
9	1193360151	Bạch Thị Mỹ Diệu	29/03/2004	01KT12C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt		
10	1193360077	Phạm Thanh Duy	28/05/2003	01TM12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại		
11	1193360024	Hồ Khánh Duy	02/04/2004	01DD12C1	6.0	7.0	6.7		4.5		5.4	Đạt		
12	1193360150	Nguyễn Ngọc Hải	19/11/2003	01DS12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại		
13	1193360119	Lê Chí Hào	07/10/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		6.3		6.6	Đạt		
14	1193360071	Nguyễn Trung Hậu	23/05/2004	01TM12C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại		
15	1193360101	Trần Thanh Hậu	23/09/2004	01DS12C1	5.0	6.0	5.7		4.5		5.0	Đạt		
16	1193360027	Lê Thị Thu Hiền	13/07/2004	01KT12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt		
17	1193360102	Trần Đức Huy	26/01/2004	01TM12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại		
18	1193360115	Huỳnh Nhật Huy	25/12/2004	01TM12C1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt		
19	1193360021	Nguyễn Đăng Khoa	27/10/2004	01KT12C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt		
20	1193360040	Nguyễn Trọng Khôi	08/06/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt		

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1		
							4.0		6.0	6.0				
21	1193360067	Nguyễn Tuấn	Khôi	27/02/2001	01YS12C1	6.0	5.0	5.3				2.1	Thi lại	
22	1193360049	Nguyễn Thoại	Kim	13/07/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt	
23	1193360120	Nguyễn Thị Anh	Kỳ	27/09/2002	01DD12C1	6.0	7.0	6.7		4.5		5.4	Đạt	
24	1193360045	Nguyễn Lý Hồng	Lạc	07/11/2002	01TM12C1	7.0	8.0	7.7		5.0		6.1	Đạt	
25	1193360131	Chế Thị Thanh	Loan	14/07/2002	01DD12C1	8.0	7.0	7.3		2.8		4.6	Thi lại	
26	1193360041	Nguyễn Công	Minh	01/03/2004	01DD12C1	6.0	8.0	7.3		3.8		5.2	Đạt	
27	1193360093	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngân	28/01/2004	01DS12C1	6.0	7.0	6.7		4.0		5.1	Đạt	
28	1193360065	Trương Mẫn	Nghi	12/03/2004	01DD12C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
29	1193360148	Lê Thảo	Nguyễn	18/07/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt	
30	1193360143	Dương Thị	Nhã	26/10/2003	01TM12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	
31	1193360034	Trương Thị Uyển	Nhi	01/03/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt	
32	1193360028	Trần Nguyệt Yên	Nhi	12/10/2004	01DD12C1	7.0	6.0	6.3		3.8		4.8	Thi lại	
33	1193360095	Trần Nguyễn Thành	Phát	21/05/2004	01TM12C1	6.0	6.0	6.0		3.3		4.4	Thi lại	
34	1193360056	Nguyễn Thiên	Phú	17/11/2004	01KT12C1	6.0	5.0	5.3				2.1	Thi lại	
35	1193360075	Kiều Trần Xuân	Phú	06/12/2004	01DS12C1	8.0	7.0	7.3		5.3		6.1	Đạt	
36	1193360117	Võ Trường	Son	16/06/2004	01DS12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
37	1193360054	Nguyễn Thành	Tài	17/04/2004	01TM12C1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt	
38	1193360047	Lê Quốc	Thắng	03/04/2004	01DD12C1	6.0	5.0	5.3				2.1	Thi lại	
39	1193360003	Nguyễn Cửu Nhật	Thành	13/11/1999	01TM12C1	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt	
40	1193360037	Huỳnh Đặng Ngọc	Thi	27/11/2004	01DD12C1	6.0	6.0	6.0		4.8		5.3	Đạt	
41	1193360066	Nguyễn Minh	Thông	21/09/2002	01YS12C1	7.0	7.0	7.0		4.0		5.2	Đạt	
42	1193360086	Nguyễn Minh	Thuận	26/01/2004	01KT12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	
43	1193360016	Nguyễn Phan Khánh	Trâm	23/05/2004	01KT12C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
44	1193360147	Nguyễn Thị Quế	Trân	29/05/2004	01KT12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
45	1193360111	Nguyễn Lâm Thành	Trình	02/12/2004	01TM12C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
46	1193360092	Liêu Cẩm Tú	21/11/2004	01TM12C1	8.0	7.0	7.3		5.3		6.1	Đạt	
47	1193360099	Đào Quốc Tuấn	03/12/2003	01TM12C1	6.0	6.0	6.0		6.3		6.2	Đạt	
48	1193360026	Phan Lưu Anh Tuấn	01/01/2003	01TM12C1	7.0	6.0	6.3		5.8		6.0	Đạt	
49	1193360134	Đào Phương Uyên	03/04/2004	01KT12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
50	1193360097	Nguyễn Tăng Thê	09/06/2004	01TM12C1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt	
51	1193360098	Nguyễn Văn Vũ	21/07/2004	01TM12C1	7.0	7.0	7.0		6.3		6.6	Đạt	
52	1193360138	Nguyễn Như Ý	25/04/2001	01KT12C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
53	1193360005	Quan Thanh Yến	25/08/1993	01KT12C1	8.0	7.0	7.3		6.8		7.0	Đạt	
54	117030016	Nguyễn Thanh Hoà	06/02/2002	01YS10C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
55	2193360114	Nguyễn Đức Tiến	12/11/2002	02YS12C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại	